



**Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam –
Trụ sở chính**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số 1321/GP ngày 18 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 7 tháng 7 năm 2008

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đầu tư của công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư có giá trị trong 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên
Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hữu Hào	Thành viên (từ ngày 8 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên (từ ngày 8 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Fan Weng Kee	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2015)
Ông Oh Chun Kyu	Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2015)

Trụ sở đăng ký Tòa nhà Anna, số 10, Công viên Phần mềm Quang Trung
Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12
Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

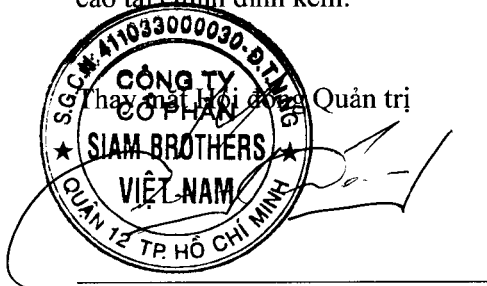
Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 14-01-578



Chung
Chung
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Duminda Mahesh Ranasingha
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2256-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		221.804.727.826	182.130.894.871
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.583.708.534	18.032.290.575
Tiền	111		13.387.708.534	18.032.290.575
Các khoản tương đương tiền	112		20.196.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.337.869.114	3.962.742.449
Chứng khoán kinh doanh	121		6.490.268.759	3.989.652.447
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(152.399.645)	(26.909.998)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.481.585.904	145.834.821.772
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	99.360.080.424	88.772.061.344
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.951.433.046	17.000.283.599
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	15.683.759.811	20.132.246.080
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	27.744.255.132	23.530.268.967
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.257.942.509)	(3.600.038.218)
Hàng tồn kho	140	11	27.071.929.652	12.803.563.609
Hàng tồn kho	141		30.315.473.347	14.894.043.168
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.243.543.695)	(2.090.479.559)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.329.634.622	1.497.476.466
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	963.486.001	337.135.781
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		295.900.077	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		70.248.544	1.160.340.685

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		111.964.123.184	120.768.072.795
Các khoản phải thu dài hạn	210		81.047.106.130	83.905.003.002
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	81.047.106.130	83.905.003.002
Tài sản cố định	220		16.360.319.543	23.990.475.330
Tài sản cố định hữu hình	221	12	13.720.175.841	15.347.892.010
Nguyên giá	222		135.471.461.771	125.126.878.769
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.751.285.930)	(109.778.986.759)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	2.395.403.999	8.504.524.366
Nguyên giá	225		3.783.240.000	15.067.041.005
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.387.836.001)	(6.562.516.639)
Tài sản cố định vô hình	227	14	244.739.703	138.058.954
Nguyên giá	228		3.147.481.720	2.889.589.140
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.902.742.017)	(2.751.530.186)
Tài sản dở dang dài hạn	240		126.500.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		126.500.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		14.430.197.511	12.872.594.463
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	12.425.169.553	12.872.594.463
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	2.005.027.958	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		333.768.851.010	302.898.967.666

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		197.337.787.599	101.890.002.625
Nợ ngắn hạn	310		187.787.498.553	81.016.833.945
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	42.845.053.941	709.276.232
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		778.441.702	218.172.532
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	1.738.893.492	4.867.741.460
Phải trả người lao động	314		2.041.506.966	1.443.231.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.001.974.306	542.433.846
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	77.037.693.450	15.311.265.962
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	61.343.934.696	57.924.712.913
Nợ dài hạn	330		9.550.289.046	20.873.168.680
Phải trả dài hạn khác	337		3.751.325.000	5.756.316.673
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	3.425.997.340	13.898.526.907
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	2.372.966.706	1.218.325.100
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		136.431.063.411	201.008.965.041
Vốn chủ sở hữu	410	23	136.431.063.411	201.008.965.041
Vốn cổ phần	411	24	163.400.000.000	163.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(600.000.000)	(600.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	14.594.981.065	14.594.981.065
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.963.917.654)	22.613.983.976
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(46.393.382.624)	2.663.274.853
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.429.464.970	19.950.709.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		333.768.851.010	302.898.967.666

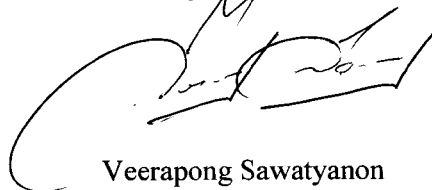
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thu
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Veerapong Sawatyanon
 Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

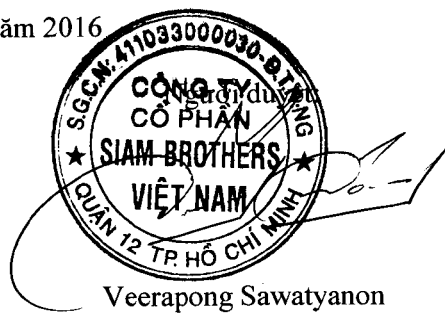
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	147.401.944.256	182.206.354.381
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	158.866.365	61.468.312
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	147.243.077.891	182.144.886.069
Giá vốn hàng bán	11	29	111.903.130.025	136.758.651.917
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		35.339.947.866	45.386.234.152
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	6.082.717.670	8.841.345.808
Chi phí tài chính	22	31	6.955.419.611	10.089.510.538
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.978.753.355	5.311.197.687
Chi phí bán hàng	25	32	4.978.829.635	7.400.547.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	25.061.296.774	12.507.130.330
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.427.119.516	24.230.391.299
Thu nhập khác	31	34	61.728.574	1.794.597.439
Chi phí khác	32		325.517.586	290.316.485
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(263.789.012)	1.504.280.954
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.163.330.504	25.734.672.253
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.738.893.492	5.783.963.130
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(2.005.027.958)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.429.464.970	19.950.709.123

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thu
 Kế toán trưởng



Veerapong Sawatyanon
 Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.163.330.504	25.734.672.253
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.465.300.604	13.501.854.551
Các khoản dự phòng	03		2.146.447.930	560.229.100
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(495.000.000)	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(2.064.494.080)	(6.372.876.871)
Chi phí lãi vay	06		3.978.753.355	5.311.197.687
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.194.338.313	38.735.076.720
Biến động các khoản phải thu	09		(37.301.424.041)	67.558.908.696
Biến động hàng tồn kho	10		(15.421.430.179)	(1.595.823.040)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		96.579.325.454	(37.327.023.030)
Biến động chi phí trả trước	12		(178.925.310)	(12.176.720.569)
			59,871,884,237	55.194.418.777
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.231.263.249)	(5.216.928.847)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.377.272.483)	(1.406.690.647)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.630.878.774
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.348.250)	(204.284.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		51.208.000.255	50.997.393.524
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.950.574.526)	(3.049.162.915)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	97.056.366
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(1.339.500.000)	(14.383.865.868)
Tiền thu hồi cho vay các đơn vị khác	24		6.136.260.000	7.620.340.367
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		(9.632.235.000)	(6.059.084.514)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		7.976.326.668	8.163.440.257
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		434.826.731	476.508.092
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		1,625,103,873	(7.134.768.215)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		104.897.996.745	131.367.163.667
Tiền trả nợ gốc vay	34		(100.454.363.801)	(133.009.332.536)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(11.482.716.348)	(23.584.346.475)
Tiền trả cổ tức	36		(30.737.602.765)	(18.239.285.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(37.776.686.169)	(43.465.800.560)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		15.056.417.959	396.824.749
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		18.032.290.575	17.635.465.826
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		495.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	33.583.708.534	18.032.290.575

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thu
Kế toán trưởng

Người Việt:



Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty có một Trụ sở chính tại Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (“Trụ sở chính”) theo giấy phép đầu tư số 1321/GP do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên (“Chi nhánh”) và chi nhánh thứ hai (“Chi nhánh 2”) tại tỉnh Long An lần lượt theo giấy chứng nhận đầu tư số 50212000009 ngày 30 tháng 9 năm 2008 và giấy chứng nhận đầu tư số 50212000021 ngày 11 tháng 1 năm 2011 được cấp bởi Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Long An trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Trụ sở chính là:

- Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Trụ sở chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Trụ sở chính có 247 nhân viên (1/1/2015: 233 nhân viên).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Trụ sở chính đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Trụ sở chính và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Trụ sở chính và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Trụ sở chính nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Trụ sở chính dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Trụ sở chính thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Trụ sở chính gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Trụ sở chính nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-20 năm
▪ nhà xưởng và máy móc	2-13 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5-10 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông của Công ty và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	27.046.726	311.354.315
Tiền gửi ngân hàng	13.360.661.808	17.720.936.260
Các khoản tương đương tiền	20.196.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	33.583.708.534	18.032.290.575

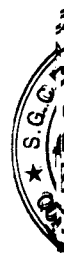
Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015				1/1/2015			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ Phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương	17.900	983.155.000	1.781.050.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	29.178	967.943.377	1.073.750.400	-	21.388	598.110.951	769.968.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG	45.600	936.260.000	866.400.000	(69.860.000)	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà	32.100	832.840.740	844.230.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Ô tô TMT	14.100	744.510.000	719.100.000	(25.410.000)	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Mơ	24.860	681.911.222	725.912.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	-	-	-	-	30.610	605.854.100	982.581.000	-



1/10/2016

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015		1/1/2015		Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Đã phân loại lại	
Công ty Cổ phần Traphaco	-	-	-	8.180	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	-	-	-	27.900	-
Khác	26.001	1.343.648.420	1.317.688.300	92.142	(26.909.998)
		6.490.268.759	7.328.130.700	3.989.652.447	(26.909.998)

Biến động dự phòng giảm giá của chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	26.909.998	-
Dự phòng lập trong năm	125.489.647	26.909.998
Số dư cuối năm	152.399.645	26.909.998

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	87.398.548.247	49.259.506.915
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	-	30.757.026.728
Các khách hàng khác	11.961.532.177	8.755.527.701
	<hr/> 99.360.080.424	<hr/> 88.772.061.344 <hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh (trước đây là Công ty TNHH Siam Holdings Việt Nam)	3.692.800	10.892.800
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	87.398.548.247	49.259.506.915
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	-	30.757.026.728
Công ty Cổ phần Siam Eco Farm	121.217.204	121.217.260
	<hr/> 125.210.554.455	<hr/> 102.273.810.703 <hr/>

Khoản phải thu thương mại từ cổ đông và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu về cho vay từ:		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh (trước đây là Công ty TNHH Siam Holdings Việt Nam) – một cổ đông	8.887.816.562	8.155.788.784
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn – một bên liên quan	5.867.703.731	10.925.842.431
▪ Nhân viên	928.239.518	1.050.614.865
	<hr/> 15.683.759.811	<hr/> 20.132.246.080 <hr/>

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 7,75% đến 14% một năm (năm 2014: từ 8,88% đến 13% một năm).

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu khác từ cổ đông	18.102.080.347	18.102.080.442
Phải thu khác từ các bên liên quan	2.623.297.599	2.200.941.840
Tạm ứng cho nhân viên	1.295.437.386	901.559.053
Ký quỹ ngắn hạn	4.138.780.024	27.999.999
Phải thu thuế giá trị gia tăng từ các hợp đồng thuê tài chính	213.496.830	593.883.596
Phải thu khác	1.371.162.946	1.703.804.037
	<hr/> 27.744.255.132	<hr/> 23.530.268.967 <hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác chủ yếu bao gồm ký quỹ dài hạn cho tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 21(b)).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Tuệ Việt	Hơn 3 năm 3-5 năm	2.386.917.117	2.386.917.117	-	2.686.917.117	2.686.917.117	
- Khác		893.162.208	871.025.392	22.136.816	913.121.101	913.121.101	
		<u>3.280.079.325</u>	<u>3.257.942.509</u>	<u>22.136.816</u>	<u>3.600.038.218</u>	<u>3.600.038.218</u>	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

3.257.942.509

3.600.038.218

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.600.038.218	3.810.301.377
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(342.095.709)	(210.263.159)
Số dư cuối năm	<u>3.257.942.509</u>	<u>3.600.038.218</u>

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	922.827.675	-	-	-
Nguyên vật liệu	11.290.655.632	(555.455.226)	6.787.109.551	(519.844.047)
Công cụ và dụng cụ	2.071.475.574	(315.897.976)	1.861.710.957	(42.929.181)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.791.815	-	205.530.713	-
Thành phẩm	1.802.942.693	(345.908.485)	2.399.468.515	(670.541.881)
Hàng hóa	9.861.251.197	(2.026.282.008)	2.549.131.295	(857.164.450)
Hàng gửi đi bán	4.325.528.761	-	1.091.092.137	-
	30.315.473.347	(3.243.543.695)	14.894.043.168	(2.090.479.559)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	2.090.479.559	1.346.922.458
Dự phòng lập trong năm	1.153.064.136	743.557.101
Số dư cuối năm	3.243.543.695	2.090.479.559

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nhà xưởng và máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.323.549.531	95.448.820.582	1.733.198.883	7.621.309.773	125.126.878.769
Tăng trong năm	-	199.605.113	178.940.908	745.090.760	1.123.636.781
Chuyển từ tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 13)	-	11.726.346.170	-	-	11.726.346.170
Xóa sổ	-	(2.168.015.517)	-	(337.384.432)	(2.505.399.949)
Số dư cuối năm	20.323.549.531	105.206.756.348	1.912.139.791	8.029.016.101	135.471.461.771
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.249.930.882	84.488.552.607	1.626.640.178	5.413.863.092	109.778.986.759
Khấu hao trong năm	590.238.044	4.979.093.895	82.570.180	705.911.848	6.357.813.967
Chuyển từ tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 13)	-	7.130.955.444	-	-	7.130.955.444
Xóa sổ	-	(1.179.085.808)	-	(337.384.432)	(1.516.470.240)
Số dư cuối năm	18.840.168.926	95.419.516.138	1.709.210.358	5.782.390.508	121.751.285.930
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.073.618.649	10.960.267.975	106.558.705	2.207.446.681	15.347.892.010
Số dư cuối năm	1.483.380.605	9.787.240.210	202.929.433	2.246.625.593	13.720.175.841

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 74.625 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 72.422 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.483 triệu VND (1/1/2015: 31.576 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	15.067.041.005
Tăng trong năm	442.545.165
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	(11.726.346.170)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.783.240.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.562.516.639
Khấu hao trong năm	1.956.274.806
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	(7.130.955.444)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.387.836.001
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.504.524.366
Số dư cuối năm	2.395.403.999
	<hr/> <hr/>

Các tài sản thuê này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ thuê tài chính tại Thuyết minh số 21(b).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.728.847.384	160.741.756	2.889.589.140
Tăng trong năm	-	257.892.580	257.892.580
<hr/>			
Số dư cuối năm	2.728.847.384	418.634.336	3.147.481.720
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư cuối năm	2.590.788.430	160.741.756	2.751.530.186
Khấu hao trong năm	138.058.954	13.152.877	151.211.831
<hr/>			
Số dư cuối năm	2.728.847.384	173.894.633	2.902.742.017
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	138.058.954	-	138.058.954
Số dư cuối năm	-	244.739.703	244.739.703

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản cố định vô hình với nguyên giá 2.890 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 161 triệu VND).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	963.486.001	337.135.781

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Công cụ và dụng cụ	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	12.699.116.807	173.477.656	12.872.594.463
Tăng trong năm	-	65.296.000	65.296.000
Phân bổ trong năm	(317.477.918)	(195.242.992)	(512.720.910)
Số dư cuối năm	12.381.638.889	43.530.664	12.425.169.553

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	651.588.502	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	648.708.739	-
Phải trả và dự phòng	803.730.717	-
Lợi nhuận chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(99.000.000)	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.005.027.958	-

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Số có khả năng trả nợ VND Đã phân loại lại
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	40.036.382.102	40.036.382.102	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Lê Minh Đức	-	-	131.098.440	131.098.440
Các nhà cung cấp khác	2.808.671.839	2.808.671.839	578.177.792	578.177.792
	42.845.053.941	42.845.053.941	709.276.232	709.276.232

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Số có khả năng trả nợ VND Đã phân loại lại
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	40.036.382.102	40.036.382.102	-	-
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2	129.850.490	129.850.490	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Đông Dương	-	-	87.582.000	87.582.000

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	490.468.977	15.124.355.781	(4.674.179.143)	(10.940.645.615)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.296.542.178	(206.450.037)	-	(1.160.340.685)	70.248.544	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.377.272.483	1.738.893.492	(4.377.272.483)	-	-	-	1.738.893.492
Thuế xuất nhập khẩu	-	650.240.960	(650.240.960)	-	-	-	-
	4.867.741.460	18.810.032.411	(9.908.142.623)	(10.940.645.615)	(1.160.340.685)	70.248.544	1.738.893.492

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	1.700.000.000	-
Chi phí lãi vay	35.701.903	288.211.797
Phí dịch vụ chuyên môn	72.249.993	163.499.997
Chi phí vận chuyển	102.325.598	23.344.497
Chi phí trích trước khác	91.696.812	67.377.555
	<hr/>	<hr/>
	2.001.974.306	542.433.846
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Cổ tức phải trả	53.356.032.515	15.086.268.680
Phải trả phi thương mại cho Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh	23.311.000.000	-
Các khoản phải trả khác	370.660.935	224.997.282
	<hr/>	<hr/>
	77.037.693.450	15.311.265.962
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và nợ thuế tài chính	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Thanh toán VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	36.936.269.853	36.936.269.853	104.897.996.745	(90.948.637.089)	50.885.629.509	50.885.629.509
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21(b))	20.988.443.060	20.988.443.060	10.458.305.187	(20.988.443.060)	10.458.305.187	10.458.305.187
	57.924.712.913	57.924.712.913	115.356.301.932	(111.937.080.149)	61.343.934.696	61.343.934.696



Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
(i) Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	9,0% - 9,4%	16.040.224.724	15.369.330.720
(ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	7,0% - 10,0%	15.500.587.435	-
(iii) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	VND	8,2% - 10,0%	5.515.386.916	8.080.281.138
(iv) Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	VND	7,5% - 10,0%	5.509.346.266	-
(iv) Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	3,5% - 5,0%	4.561.989.168	-
(v) Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	12,0%	3.758.095.000	3.758.095.102
			50.885.629.509	36.936.269.853

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (1/1/2015: 2 triệu USD). Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa thuộc Chi nhánh với giá trị ghi sổ là 15.622 triệu VND (1/1/2015: 16.389 triệu VND), hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ tối thiểu là 30.000 triệu VND mỗi loại (1/1/2015: hàng tồn kho là 40.000 triệu VND và các khoản phải thu là 50.000 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND (1/1/2015: không). Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa thuộc Trụ sở chính với giá trị ghi sổ là 1.483 triệu VND (1/1/2015: không) (Thuyết minh số 12).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VND (1/1/2015: 20.000 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ là 34.625 triệu VND (1/1/2015: 35.518 triệu VND) và bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 0,5 triệu USD (1/1/2015: không). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (v) Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (*)	12.486.486.163	22.006.438.511
Nợ thuê tài chính dài hạn (**)	1.397.816.364	12.880.531.456
	<hr/> 13.884.302.527	<hr/> 34.886.969.967
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 21(a))	<hr/> (10.458.305.187)	<hr/> (20.988.443.060)
	<hr/> 3.425.997.340	<hr/> 13.898.526.907

(*) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
(i) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	VND	7,9%-12,2%	2012-2016	9.153.152.823	15.639.639.303
(ii) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	VND	9,2%	2014-2018	3.333.333.340	6.000.000.004
Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	16,0%	2012-2015	-	366.799.204
				<hr/> 12.486.486.163	<hr/> 22.006.438.511

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VND (1/1/2015: 20.000 triệu VND). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 36 tháng bắt đầu từ tháng thứ 13 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ là 20.284 triệu VND (1/1/2015: 21.298 triệu VND) và bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu VND (1/1/2015: 10.000 triệu VND). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 45 tháng bắt đầu từ tháng thứ 4 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ lần lượt là 20.284 triệu VND và 34.625 triệu VND (1/1/2015: 21.298 triệu VND và 35.518 triệu VND) và bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

() Nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2015			1/1/2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	1.359.122.227	53.969.863	1.305.152.364	12.273.233.818	790.517.470	11.482.716.348
Trong vòng hai đến năm năm	93.698.362	1.034.362	92.664.000	1.486.864.902	89.049.794	1.397.815.108
	1.452.820.589	55.004.225	1.397.816.364	13.760.098.720	879.567.264	12.880.531.456

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thời việc VND
Số dư đầu năm	1.218.325.100
Dự phòng lập trong năm	1.209.989.856
Dự phòng sử dụng trong năm	(55.348.250)
Số dư cuối năm	2.372.966.706

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	122.700.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	(3.729.275.609)	133.965.705.456
Vốn cổ phần đã phát hành	40.700.000.000	-	-	-	-	40.700.000.000
Cổ tức (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(56.977.963.472)	(56.977.963.472)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	19.950.709.123	19.950.709.123
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(52.486.066)	(52.486.066)
Lợi nhuận nhận được từ Chi nhánh	-	-	-	-	63.423.000.000	63.423.000.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	22.613.983.976	201.008.965.041
Cổ tức (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(69.007.366.600)	(69.007.366.600)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.429.464.970	4.429.464.970
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.594.981.065	(41.963.917.654)	136.431.063.411

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	16.340.000	163.400.000.000	16.340.000	163.400.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(60.000)	(600.000.000)	(60.000)	(600.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.280.000	162.800.000.000	16.280.000	162.800.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

25. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty chuyển đổi tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ ("USD") sang Việt Nam Đồng ("VND") phù hợp với các yêu cầu của Thông tư số 244/2010/TT/BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Theo đó, tất cả các số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá 21.036 VND bằng 1 USD. Vốn cổ phần đã được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 14.594.981.065 VND được trình bày như khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 23).

26. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên vào ngày 8 tháng 4 năm 2015 và ngày 25 tháng 8 năm 2015, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền lần lượt là 27.933.934.100 VND và 41.073.432.500 VND (năm 2014: phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu là 40.700.000.000 VND (1 cổ phiếu cổ tức cho mỗi 3 cổ phiếu hiện hữu) và phân phối cổ tức bằng tiền là 16.277.963.472 VND).

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.092.817.500	1.127.159.500
Trong vòng hai đến năm năm	70.663.125	918.620.625
	1.163.480.625	2.045.780.125

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.193.566	26.783.630.240	454.139	9.648.635.281

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		Đã phân loại lại
▪ Bán hàng	86.211.710.784	113.256.981.791
▪ Dịch vụ gia công	61.190.233.472	68.949.372.590
	147.401.944.256	182.206.354.381
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(158.866.365)	(61.468.312)
Doanh thu thuần	147.243.077.891	182.144.886.069

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
▪ Thành phẩm đã bán	78.229.213.417	106.610.289.905
▪ Dịch vụ đã cung ứng	32.520.852.472	29.404.804.911
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.153.064.136	743.557.101
Tổng giá vốn hàng bán	111.903.130.025	136.758.651.917

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.851.391.869	1.854.392.247
Lãi tiền gửi và cho vay	1.874.170.809	3.955.857.197
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.022.609.992	2.774.517.430
Cổ tức được chia	334.545.000	256.578.934
	6.082.717.670	8.841.345.808

31. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	3.978.753.355	5.311.197.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.664.973.120	4.040.269.797
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	177.902.012	711.133.056
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	125.489.647	26.909.998
Chi phí tài chính khác	8.301.477	-
	6.955.419.611	10.089.510.538

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	1.383.172.218	1.153.526.688
Chi phí công tác	1.367.039.777	593.289.715
Chi phí hàng mẫu	448.985.373	183.294.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.361.699	871.695.588
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.721.325	6.013.561
Chi phí bán hàng khác	1.495.549.243	4.592.727.273
	<hr/> 4.978.829.635	<hr/> 7.400.547.793 <hr/>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	7.628.851.251	3.948.988.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.672.238.727	464.743.797
Chi phí khấu hao và phân bổ	392.430.770	1.491.987.974
Chi phí liên quan đến thuê đất	374.094.630	225.023.929
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(342.095.709)	(210.263.159)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.335.777.105	6.586.649.344
	<hr/> 25.061.296.774	<hr/> 12.507.130.330 <hr/>

34. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	97.056.368
Xóa sổ phải trả người bán	-	999.805.397
Thu nhập khác	61.728.574	697.735.674
	<hr/> 61.728.574	<hr/> 1.794.597.439 <hr/>

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	27.222.872.434	40.026.548.955
Chi phí nhân công và nhân viên	28.357.837.013	24.195.918.092
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.465.300.604	13.501.854.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác	77.897.246.383	78.942.008.442

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện hành	1.738.893.492	5.783.963.130
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh chênh lệch tạm thời	(2.005.027.958)	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập	(266.134.466)	5.783.963.130

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.163.330.504	25.734.672.253
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	915.932.711	5.661.627.896
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	200.502.796	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	210.975.360	61.452.398
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	117.330.201
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	(1.519.945.433)	-
Thu nhập không bị tính thuế	(73.599.900)	(56.447.365)
	(266.134.466)	5.783.963.130

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Trụ sở chính có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh (trước đây là Công ty TNHH Siam Holdings Việt Nam)		
Bán hàng hóa	-	10.892.800
Mua tài sản cố định	115.000.000	6.925.760.000
Phí bảo trì	2.100.000.000	2.100.000.000
Phí tư vấn	1.400.000.000	-
Thu hồi nợ vay	-	3.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	732.027.778	935.780.076
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn		
Phí thuê đất	-	12.863.236.421
Thu hồi nợ vay	6.100.000.000	4.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	2.800.147.963
Vốn hóa thu nhập lãi cho vay	1.041.861.300	6.925.346.291
Cán trừ đầu tư khác với cổ tức phải trả	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh		
Mua hàng hóa	-	2.280.683.362
Thu nhập gia công	37.561.893.866	68.949.372.590
Bán hàng hóa	31.538.325.533	2.792.244.602
Công ty Cổ phần Siam Brothers – Chi nhánh 2		
Mua hàng hóa	129.850.490	2.280.683.362
Thu nhập gia công	23.740.089.773	68.949.372.590
Bán hàng hóa	16.228.905.364	2.792.244.602
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Đông Dương		
Mua hàng hóa	273.835.163	-
Phí dịch vụ	282.625.000	-

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015 VND	2014 VND
Tiền từ thanh lý tài sản cố định chưa nhận được	-	26.810.255.544
Cần trừ khoản phải thu thương mại với khoản phải trả thương mại cho khoản tiền từ thanh lý tài sản cố định chưa nhận được của năm trước	26.810.255.544	-
Cần trừ ký quỹ dài hạn phải trả với khoản phải thu từ Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái	2.000.000.000	-
Thu nhập lãi tiền gửi được vốn hóa vào phải thu về cho vay	1.773.889.078	3.735.928.039
Cần trừ phải thu về cho vay người lao động với phải trả người lao động	1.425.615.347	-
Cần trừ ký quỹ dài hạn phải thu với nợ thuê tài chính	390.102.741	-

39. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Trụ sở chính áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	24.121.898.527
Chứng khoán kinh doanh	3.989.652.447	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	88.772.061.344	169.151.703.381
Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.132.246.080	-
Phải thu ngắn hạn khác	23.530.268.967	22.600.709.915
Tài sản ngắn hạn khác	-	929.559.052
Phải thu dài hạn khác	83.905.003.002	-
Tài sản dài hạn khác	-	3.525.360.965

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam – Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 (đã phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.206.354.381	123.137.008.547
Giá vốn hàng bán	136.758.651.917	77.689.306.083
Thu nhập khác	1.794.597.439	87.674.198.817
Chi phí khác	290.316.485	86.169.917.863

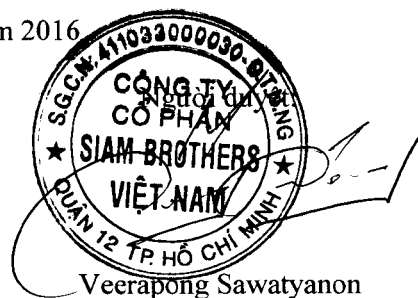
(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2014 (đã phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Tiền chi cho vay các đơn vị khác	(14.383.865.868)	-
Tiền thu hồi cho vay các đơn vị khác	7.620.340.367	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	8.163.440.257	15.783.780.624
Tiền chi cho các khoản đầu tư	(6.059.084.514)	(20.442.950.382)

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Ngọc Thu
Kế toán trưởng



Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch